

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 367/2025/DS-PT

Ngày: 18/6/2025

V/v tranh chấp: “Yêu cầu xác
lập quyền sử dụng đất theo thời
hiệu; Thừa kế quyền sử dụng
đất và đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm
Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2025/TLPT-
DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp “Yêu cầu xác lập quyền sử
dụng đất theo thời hiệu; Thừa kế quyền sử dụng đất và đòi tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án
nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 770/2025/QĐ-PT ngày
25/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Châu Thị C, sinh năm 1954; (chết ngày 01/01/2025)

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà C:

- Châu Thị T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Châu Văn K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Châu Văn K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K:

- Luật sư Nguyễn Thị Tuyết N – thuộc Đoàn luật sư tỉnh T;

Địa chỉ: C, ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Cao Hoàng O, sinh năm 1960;

Địa chỉ: H - N, ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Châu Thị T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn N1, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Thái Đại Dương, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Châu Thị B, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Thái Văn Tấn T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Thái Thị Thanh N2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà B, anh T1, chị N2:

Thái Đại D sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D:

Luật sư Lê Hoàng A – thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

Lê Thị B1, sinh năm 1965;

Châu Minh V, sinh năm 1988;

Châu Thúy A, sinh năm 1990;

Đại diện theo ủy quyền của bà B1, anh V, chị A:

Châu Văn K, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Châu Minh T2, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp K, xã M, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy.*

**. Người kháng cáo:* Nguyên đơn Châu Thị C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2;

Tại phiên tòa có mặt: Luật sư Hoàng A, ông Hoàng O, ông K, luật sư N;

Các đương sự có văn bản xin vắng mặt: Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, đơn khởi kiện ngày 29/01/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 27/9/2023, các tờ tự khai nguyên đơn bà Châu Thị C trình bày: Cụ Châu Văn L sinh năm 1926 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 sinh năm 1927 (chết năm 1993) có 8 người con gồm:

Bà Châu Thị E sinh năm 1949 (chết năm 1971, có chồng Nguyễn Văn N1, con Châu Thị B); Bà Châu Thị C sinh năm 1954; Bà Châu Thị T sinh năm 1955; Bà Châu Thị T3 (chết lúc nhỏ), ông Châu Văn Đ (chết lúc nhỏ);

Bà Châu Thị T4 sinh năm 1960 (chết năm 2006) có chồng ông Thái Văn Ú chết 2001, các con gồm: Anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D;

Bà Châu Thị H, sinh năm 1961 (chết năm 1987, không chồng con);

Ông Châu Văn K, sinh năm 1966.

Cụ L và cụ C1 có tạo lập đất ruộng gồm 02 thửa đất:

Thửa số 2618, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²);

Thửa số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Vào năm 1980 cụ L, cụ C1 phân chia cho bà C và bà T mỗi người ½ diện tích của thửa đất số 2618, bà C trực tiếp canh tác đất quản lý và thực hiện nghĩa vụ người sử dụng đất đối với nhà nước từ đó đến nay nhưng không lập thủ tục sang tên chuyển quyền;

Ngày 10/7/1987, cụ L chết, ngày 21/3/1993 cụ C1 chết, không để lại di chúc. Năm 1998, ông K tự kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/11/1998 do ông K đại diện hộ đứng tên;

Năm 2018, bà C có đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp 3 và Ủy ban nhân dân xã P giải quyết chia thừa kế 6.300m², thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² cho bà C, qua hai cấp ấp và xã hòa giải ông K chỉ đồng ý để bà C quản lý, canh tác đến hết đời, không đồng ý chuyển quyền sang tên nên vụ việc tranh chấp chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ thể hiện thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² do cụ L kê khai vào sổ mục kê 299 và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/1995, việc ông K tự kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua và được sự đồng ý của chị em bà C;

Bà Châu Thị C yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C,

tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1 chết không để lại di chúc;

Chia thừa kế thừa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ L, cụ C1 để lại không có di chúc, yêu cầu chia làm 5 kỷ phần gồm bà Châu Thị C, bà Châu Thị T, ông Châu Văn K, Châu Thị E (bà Châu Thị B nhận), bà Châu Thị T4 (anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D nhận), xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 4.447,1m² của thửa 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (1);

Trường hợp hết thời hiệu chia thừa kế thì yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu đối với diện tích 5910,2m² thuộc thửa đất số 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 22/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (1) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên thuộc quyền sử dụng của bà C, bà C được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất.

**. Theo đơn phản tố ngày 06/5/2019, đơn bổ sung ngày 25/12/2021, đơn thay đổi ngày 30/5/2024, các bản tự khai và tại phiên Tòa hôm nay bị đơn ông Châu Văn K trình bày: Thống nhất về quan hệ gia đình, cụ Châu Văn L sinh năm 1926 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 sinh năm 1927 (chết năm 1993) có 8 người con gồm: Bà Châu Thị E sinh năm 1949 (chết năm 1971, có chồng Nguyễn Văn N1, con Châu Thị B), bà Châu Thị C sinh năm 1954, bà Châu Thị T sinh năm 1955, bà Châu Thị T3 (chết lúc nhỏ), ông Châu Văn Đ (chết lúc nhỏ), bà Châu Thị T4 sinh năm 1960 (chết năm 2006, có chồng ông Thái Văn Ú chết 2001, các con gồm anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D), bà Châu Thị H, sinh năm 1961 (chết năm 1987, không chồng con), ông Châu Văn Khai S năm 1966;*

Cha mẹ ông có tạo lập tài sản gồm thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²), thửa 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m²) cùng tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ L đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất có diện tích 9.200m² tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà C đứng tên quyền sử dụng đất, cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc;

Năm 1994, gia đình ông hợp lại có sự chứng kiến của cậu ruột tên Lê Văn C2 để phân chia tài sản như sau, giao đất cho ông K, bà C với bà T được hưởng 30 cây vàng 24 Kr của cha mẹ (vàng bà C đang cất giữ); Thửa 2692, diện tích 10.540m², chia 4.500m² là phần bà Châu Thị E (Châu Thị B là con hưởng), bà B

không nhu cầu canh tác đã sang bán lại cho ông K với giá 150 chỉ vàng 24 Kr, phần đất còn lại của thửa này giao cho ông K thờ cúng ông bà;

Đối với thửa đất có diện tích 9.200m² bà C đứng tên, bà C bán cho ông Đỗ Văn N3 tại ấp B, xã P chia đều cho Châu Thị T4 và Châu Thị H, do bà T4 chết nên anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Kim N4, anh Thái Đại D là con hưởng, bà H chết không chồng con nên anh Châu Minh V là cháu nhận để thờ cúng, việc thỏa thuận phân chia không có làm văn bản giấy tờ gì. Đến năm 1998, ông kê khai đứng tên thửa đất 2618, diện tích 12.600m² và thửa 2692, diện tích 10.540m², vợ chồng ông có sang nhượng thêm thửa 744, diện tích 14.314m² nên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp chung trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông canh tác thửa đất 2618, diện tích 12.600m² được một thời gian nhưng do con còn nhỏ nên ông cho hai chị gái là bà C, bà T mượn canh tác, khi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C liên hệ cán bộ địa chính xã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2618 cất giữ nên chưa cấp đổi mới được. Ông K không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị C, anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D, bà Châu Thị B;

Ông Châu Văn K yêu cầu công nhận thửa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang của ông K;

Yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bà Châu Thị C, bà Châu Thị B, anh Thái Đại D, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Văn Tấn T1;

Buộc bà Châu Thị C trả lại ông K phần đất có diện tích 5.910,2m² nằm trong thửa đất số 2618 diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²);

Buộc bà Châu Thị C trả lại ông K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03180QSĐĐ/188 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/11/1998 do ông Châu Văn K đại diện hộ đứng tên.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị T có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 11/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: Bà thống nhất lời trình bày ông Châu Văn K, bà và bà Châu Thị C không chồng con, sống chung gia đình, sinh thời cha mẹ có để lại 03 thửa đất do cụ L đứng tên 02 thửa, bà C đứng tên 01 thửa diện tích 9.200m², bà C đã bán để chia cho Châu Thị T4 do 03 người con bà T4 gồm Thái Đ, Thái Thị Thanh N2, Thái Văn Tấn T1 hưởng, phần chia Châu Thị H giao cháu trai là con ông K tên Châu Minh V hưởng thờ cúng bà H;*

Còn lại 02 thửa cha bà đứng tên, khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc, gia đình có thỏa thuận giao 02 thửa đất cho ông K, bà và bà C mỗi người được 15 cây vàng 24K (30 cây vàng bà Chí giữ, bà C giao bà 15 cây vàng), đối với thửa 2692 (thửa mới 938) diện tích 10.540m² chia 4.500m² là phần bà Châu Thị E do Châu Thị B là con bà E được hưởng, bà B không nhu cầu canh tác sang bán lại cho ông K giá 150 chỉ vàng 24 Kr, phần đất còn lại trong thửa này và thửa 2618 diện tích 12.600m² (đo thực tế là 11.820,3m²) giao cho ông K hưởng thờ cúng ông bà;

Khi thỏa thuận không làm giấy tờ, ông K giao thửa đất 2618 cho bà và bà C canh tác đến suốt đời, bà và bà C có cho cháu trai con bà T4 là anh Thái Văn Tấn T1 thuê thửa đất, bà và bà C chia đôi số tiền cho thuê đất để sinh sống. Bà Châu Thị T không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án.

**. Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 27/9/2023, các tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Đại D và là đại diện ủy quyền của chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Văn Tấn T1 trình bày: Thống nhất hàng thừa kế của cụ Châu Văn L, cụ Lê Thị C3 như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, bà Châu Thị T4 là con của cụ L, cụ C3, bà T4 chết năm 2006, có chồng ông Thái Văn Ú chết 2001, các con gồm anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D;*

Cụ L và cụ C3 có tạo lập được 02 thửa đất ruộng số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Năm 1980, cụ L, cụ C3 phân chia cho bà C ½ thửa đất 2618 với diện tích 6.300m² chưa sang tên chuyển quyền, ngày 10/7/1987 cụ L chết, ngày 21/3/1993 cụ C3 chết, không để lại di chúc;

Ông K tự kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện hộ đứng tên không có sự đồng ý của các đồng thừa kế, năm 2018 bà C có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông K chỉ đồng ý để bà C canh tác hết đời không đồng ý sang tên nên xảy ra tranh chấp;

Từ năm 1994, thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² bà T và bà C cho anh và anh T1 thuê mỗi người ½ thửa đất canh tác, anh và anh T1 trả tiền hàng năm cho bà C, bà T sinh sống;

Hiện tại, anh T1 vẫn còn thuê ½ diện tích đất, ½ diện tích còn lại của thửa đất do bà C canh tác, bà C thuê anh làm và trả tiền công cho anh, đối với phần đất anh T1 thuê của bà T, anh T1 không tranh chấp trong vụ án này.

Anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m²

(thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1 chết không để lại di chúc.

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thừa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) làm 5 kỷ phần cho hàng thừa kế Châu Thị E (thừa kế thế vị Châu Thị B), Châu Thị C, Châu Thị T, Châu Văn K, Châu Thị T4 (thừa kế thế vị Thái Văn Tấn T1, Thái Thị Thanh N2, Thái Đ), xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 4.447,3m² của thửa 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (2) và nhượng quyền hưởng thừa kế cho bà Châu Thị Chí .

**. Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 27/9/2023, các tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị B là anh Thái Đại D trình bày: Thống nhất hàng thừa kế của cụ Châu Văn L, cụ Lê Thị C3 như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, bà Châu Thị E là con của cụ L, cụ C3, bà E chết năm 1971, có chồng Nguyễn Văn N1, con Châu Thị B;*

Cụ L và cụ C3 có tạo lập được 02 thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692 tờ bản đồ số 2, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Năm 1980, cụ L, cụ C3 phân chia cho bà C ½ thửa đất 2618 diện tích 6.300m² (đo đạc thực tế 5.910,2m²) chưa sang tên chuyển quyền. Năm 1987, cụ L chết, năm 1993, cụ C3 chết, không để lại di chúc, ông K kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện hộ đứng tên không có sự đồng ý của các đồng thừa kế;

Năm 2018, bà C có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông K chỉ đồng ý để bà C canh tác hết đời không đồng ý sang tên nên xảy ra tranh chấp.

Bà Châu Thị B yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1 chết không để lại di chúc;

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thừa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m²) làm 5 kỷ phần cho hàng thừa kế Châu Thị E (thừa kế thế vị Châu Thị B), Châu Thị C,

Châu Thị T, Châu Văn K, Châu Thị T4 (thừa kế thế vị Thái Văn Tấn T1, Thái Thị Thanh N2, Thái Đ), xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 2925,9m² của thửa 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (3) và nhượng quyền hưởng thừa kế cho bà Châu Thị Chí .

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 06/8/2024 ông N1 trình bày: Sau khi mẹ vợ ông là bà Nguyễn Thị C1 qua đời một thời gian, thì chị em bên vợ tôi đã chia tài sản của cha mẹ vợ ông để lại, theo đó Châu Thị B là con gái của ông đã nhận được kỷ phần đất chia cho vợ ông Châu Thị E, có diện tích 4.500m² nằm trong thửa đất số 2692, tờ bản đồ số 2, diện tích 10.540m² (thửa mới là 938, diện tích 10.413m², tờ bản đồ số 16), tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, việc phân chia đất do chị em trong nhà thỏa thuận chưa làm giấy tờ gì, năm 2001 do không có nhu cầu canh tác, nên vợ chồng Châu Thị B đã chuyển nhượng phần đất này cho Châu Văn K với giá 105 chỉ vàng 24K_r, ông không có yêu cầu gì đối với việc yêu cầu chia di sản của bà Châu Thị C, vì di sản đã được nhận chia theo thỏa thuận và con ông đã nhận đủ phần của vợ ông.*

Theo tờ tự khai ngày 12/11/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B1, anh Châu Văn V1, chị Châu Thúy A và tại phiên Tòa hôm nay đại diện ủy quyền ông Châu Văn K trình bày: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Châu Văn K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Châu Minh T2 xin vắng mặt, theo biên bản hòa giải ngày 16/6/2023 anh trình bày: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Châu Văn K.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã Quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, 609, 612, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị C yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên là di sản thừa kế của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1.

Chia thừa kế thửa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số

16, diện tích 10.413m², theo trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ L, cụ C1 để lại không có di chúc, yêu cầu chia làm 5 kỷ phần gồm bà Châu Thị C, bà Châu Thị T, ông Châu Văn K, Châu Thị E (bà Châu Thị B nhận), bà Châu Thị T4 (anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D nhận), xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 4.447,1m² của thửa 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (1).

Trường hợp hết thời hiệu chia thừa kế thì yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu đối với diện tích 5910,2m² thuộc thửa đất số 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 22/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (1) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên thuộc quyền sử dụng của bà C.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Văn K:

Công nhận thửa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², theo trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất của ông Châu Văn K.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bà Châu Thị C, bà Châu Thị B, anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D đối với thửa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.410,9m², theo trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên.

Buộc bà Châu Thị C trả lại ông Châu Văn K phần đất có diện tích 5910,2m² thuộc thửa đất số 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 22/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký hiệu (1) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03180QSĐĐ/188 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/11/1998 do ông K đại diện hộ đứng tên.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Thái Đại D, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Văn Tấn T1 yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², trích lục bản đồ địa chính

10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên là di sản thừa kế của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1.

Chia thừa kế theo pháp luật thừa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) làm 5 kỷ phần cho hàng thừa kế Châu Thị E (thừa kế thế vị Châu Thị B), Châu Thị C, Châu Thị T, Châu Văn K, Châu Thị T4 (thừa kế thế vị Thái Văn Tấn T1, Thái Thị Thanh N2, Thái Đ), xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 4447,3m² ký hiệu (2) của thửa 2618, (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và nhượng quyền hưởng thừa kế cho bà Châu Thị Chí.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Châu Thị B yêu cầu:

Xác định thửa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Châu Văn K đứng tên là di sản thừa kế của cụ Châu Văn L, cụ Nguyễn Thị C1.

Chia thừa kế theo pháp luật thừa đất số 2618, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) làm 5 kỷ phần cho hàng thừa kế Châu Thị E (thừa kế thế vị Châu Thị B), Châu Thị C, Châu Thị T, Châu Văn K, Châu Thị T4 (thừa kế thế vị Thái Văn Tấn T1, Thái Thị Thanh N2, Thái Đ) xin nhận 01 kỷ phần bằng diện tích 2925,9m² ký hiệu (3) của thửa 2618, (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 15/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và nhượng quyền hưởng thừa kế cho bà Châu Thị Chí.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

H1 lại cho bà Châu Thị C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16498 ngày 19/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, bà được miễn án phí, nên được hoàn lại 300.000đ.

H1 lại cho ông Châu Văn K 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16670 ngày 07/5/2019; 0001690 ngày 07/02/2022 và biên lai số 0002950 ngày 18/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy

Anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018015 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được hoàn lại 4.700.000 đồng.

Bà Châu Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002235 ngày 08/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được hoàn lại 4.700.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 02/10/2024, nguyên đơn Châu Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị C; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2

Ngày 14/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số: 06/QĐ-VKS-DS, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2 có văn bản xin vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Thái Đại D đưa ra nhiều luận cứ như nhận định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, thống nhất kháng nghị và đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C là ông Châu Văn K và bà Châu Thị T yêu cầu rút kháng cáo của bà Châu Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Châu Văn K đưa ra nhiều luận cứ như nhận định của Bản án dân sự sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của bà Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ra nhiều luận cứ như nhận định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Thái Đại D có cung cấp di chúc của bà Châu Thị C nên đề nghị chấp nhận kháng nghị, hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung;

Do đề nghị hủy án nên chưa xét đến kháng cáo của những người có kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, tư cách tham gia tố tụng, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị C thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu; Thừa kế quyền sử dụng đất và đòi tài sản” được quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 02/10/2024 của nguyên đơn Châu Thị C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2 và biên lai tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm thì những người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy thì Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét: Trong thời hạn kháng cáo, bản án dân sự sơ thẩm chưa có hiệu thì bà Châu Thị Chí C4. Đương sự cung cấp sơ yếu lý lịch về quan hệ gia đình của bà Châu Thị C được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận ngày 03/4/2025. Bà Châu Thị C chỉ có hàng thừa kế thứ hai gồm: Bà Châu Thị T và ông Châu Văn K. Do đó người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C là ông Châu Văn K và bà Châu Thị T;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt có văn bản xin vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét lời thừa nhận của đương sự là những chứng cứ không cần phải chứng minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các đương sự trình bày thống nhất, cụ Châu Văn L (chết ngày 10/7/1987) và cụ Lê Thị C3 (chết ngày 21/3/1993) có 8 người con gồm: bà Châu Thị E (chết năm 1971, có chồng Nguyễn Văn N1, con Châu Thị B), bà Châu Thị C, bà Châu Thị T, bà Châu Thị T3 (chết lúc nhỏ), ông Châu Văn Đ (chết lúc nhỏ), bà Châu Thị T4 (chết năm 2006, có chồng ông Thái Văn Ú chết 2001, các con gồm anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D), bà Châu Thị H, (chết năm 1987, không chồng con) và ông Châu Văn K;

Các đương sự đều thừa nhận lúc còn sống cụ L và cụ C3 có tạo lập đất ruộng gồm:

Thửa đất số 2618, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L, diện tích 12.600m² (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², theo trích lục bản đồ địa chính diện tích 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Cụ L, cụ C3 chết không để lại di chúc, ông K thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03180QSDĐ/188, ngày 02/11/1998 cho hộ ông Châu Văn K.

[2.2]. Xét yêu cầu của đương sự về thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp di sản thừa kế, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thừa kế được mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị Quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990;

Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”*;

Ngày 19/3/2019, bà Châu Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu đối với phần đất diện tích 5.910,2m² thuộc thửa đất số 2618 (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 22/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu của bà Châu Thị C được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thụ lý vụ án ngày 19/3/2019;

Ngày 27/9/2023, bà Châu Thị C có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà C yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất 2618, 2692 là di sản của cụ L, cụ C3 chết để lại;

Ngày 05/10/2023, anh Thái Văn Tấn T1, chị Thái Thị Thanh N2, anh Thái Đại D có yêu cầu độc lập là chia di sản thừa kế của cụ L, cụ C3;

Ngày 08/01/2024, bà Châu Thị B có yêu cầu độc lập là chia di sản thừa kế của cụ L, cụ C3;

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vì cụ L chết vào ngày 10/7/1987, cụ C3 chết vào ngày 21/3/1993 không để lại di chúc, căn cứ vào thời điểm yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C, chị B, anh T1, chị N2, anh D và căn cứ quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp, đất ở, đất trồng cây lâu năm để xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ L, cụ C3;

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà C nếu có căn cứ hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế thì cần phải đình chỉ đối với yêu cầu này của bà C, chị B, anh T1, chị N2, anh D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2618, diện tích 12.600m², tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng 2L (thửa mới 684, tờ bản đồ số 15, diện tích đo đạc thực tế 11.820,3m²) và thửa đất số 2692, diện tích 10.540m² (thửa mới 938, tờ bản đồ số 16, diện tích 10.413m², theo trích lục bản đồ địa chính 10.410,9m²) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và căn cứ vào người quản lý, sử dụng di sản để xác lập lại quyền sở hữu theo quy định tại các điều 623, 236 Bộ luật Dân sự;

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vừa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của bà B, anh T1, chị N2, anh D về việc chia di sản thừa kế; Vừa lại chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế. Trong khi yêu cầu phản tố của ông Châu Văn K là đòi lại tài sản là phần đất mà bà C đang quản lý, sử dụng có diện tích thực đo là 5.910,2m² thuộc thửa đất số 2618.

[2.3]. Xét việc kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Châu Văn K kể từ ngày cụ L và cụ C3 chết đối với các thửa đất 2618, 2692, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hồ sơ chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03180QSĐĐ/188 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/11/1998 cho hộ ông Châu Văn K thì:

Ông Châu Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ việc thừa kế tài sản của cụ L, cụ C3. Tuy nhiên, trong hồ sơ đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có văn bản bản thỏa thuận hay từ chối nhận di sản của các đồng thừa kế cụ L, cụ C3.

Do đó, việc xét duyệt hồ sơ để ông Châu Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng theo pháp luật thừa kế;

Trong khi, bà Châu Thị C là người đang quản lý, sử dụng diện tích đất 5.910,2m² là một phần đất thuộc thửa 2618 từ năm 1980 cho đến khi bà Chí C4 vào ngày 01/01/2025 và tại thời điểm năm 1980 thì cụ L, cụ C3 vẫn còn sống;

Anh Thái Đại D có cung cấp di chúc của bà C liên quan đến phần diện tích đất đang tranh chấp;

Như đã nhận định trên, để xác định lại thời hạn, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, xác lập quyền sở hữu theo quy định tại Điều 236 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự; Tính hợp pháp của di chúc ngày 06/01/2022 và liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03180QSDĐ/188 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/11/1998 cho hộ ông Châu Văn K;

Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là có căn cứ nên chấp nhận kháng nghị, hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để điều tra, thu thập chứng cứ, xét xử lại theo thủ tục chung;

Vì chấp nhận kháng nghị và hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo người kháng cáo cũng như người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 06/QĐ- VKS-DS ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho bà Châu Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016892 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Trả lại cho Thái Văn Tấn T1, Thái Đ, Thái Thị Thanh N2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà T1, D, N2 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016891 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 15 phút, ngày 18/6/2025.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu